| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯ PĂH**<br>**TỈNH GIA LAI**<br>**------&------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------&----------** |

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 19/6/2018
*V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Mạnh Dũng.
2. Ông Võ Xuân Bảo.
- *Thư ký phiên tòa*: bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa*: bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST - DS, ngày 23/10/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST - DS, ngày 24/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị M, sinh năn 1960.
Địa chỉ: thôn TL, xã IK, huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt)
2. *Bị đơn:* bà Lâm Thị Thu H, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Làng T, xã Đ, huyện C, Gia Lai (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:*

Ngày 23/11/2015, bà Lâm Thị Thu H có vay của bà số tiền 50.000.000đ để đáo hạn ngân hàng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau về thời hạn vay trong vòng từ 07 đến 10 ngày, với lãi suất hai bên không thỏa thuận cụ thể, vì là chỗ quen biết nên chỉ nói với nhau sau 10 ngày bà H trả tiền gốc còn tiền lãi thì trả bao nhiêu thì trả. Tuy nhiên,10 ngày sau bà yêu cầu bà H trả nợ thì bà H hẹn cho bà thời gian chứ bà H chưa vay lại được, sau đó bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ trả được mấy lần tiền lãi

(cụ thể số tiền, ngày tháng trả bà không nhớ). Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị Thu H phải trả cho bà 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 10/10/2017 là 10.000.000đ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đến ngày 04/5/2018 bà H có trả thêm được 1.600.000đ, bà có viết giấy nhận tiền cùng với các lần trước tổng cộng bà H đã trả được 6.100.000đ tiền lãi. Nên ngày 25/5/2018 và tại phiên tòa bà có đơn và xin rút phần yêu cầu về lãi suất là 10.000.000đ, bà chỉ yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000đ.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

*Tại phiên tòa bị đơn là bà Lâm Thị Thu H trình bày*: bố bà là ông Lâm Quang S có quen biết bà M nên ngày 23/11/2015 ông S nhờ bà đến nhà bà M vay dùm số tiền 50.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay từ 07 đến 10 ngày, lãi suất theo ngày, khoảng hơn 300.000đ/ngày (bà không nhớ chính xác). Sau khi nhận tiền bà đem về đưa hết cho ông S. Sau đó ông S đi đâu làm gì bà không biết, ông S không liên lạc với gia đình. Sau này bà M yêu cầu bà trả nợ thì bà chấp nhận vì giấy vay này do bà viết và ký tên, khi bà M đòi nợ bà có trả được 4 -5 lần (bà không nhớ cụ thể ngày nào, số tiền bao nhiêu), lần cuối vào ngày 04/5/2018 khi bà M đến đòi nợ bà có trả thêm được 1.600.000đ cho bà M, bà M có viết giấy nhận tổng cộng là 6.100.000đ. Nay bà M khởi kiện thì bà đồng ý trả nợ, nhưng bà chỉ có thu nhập là lương hơn 5.000.000đ sau khi trừ trả nợ ngân hàng và chi phí hàng ngày thì bà chỉ có thể trả nợ bà M mỗi tháng 500.000đ cho đến khi trả nợ xong.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều không có mặt. Tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn đã có mặt và trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ. Về tiền lãi: căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 10.000.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Qua xem xét tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền (bản gốc) do nguyên đơn bà Huỳnh Thị M cung cấp thì thấy rằng: bà Huỳnh Thị M có cho bà Lâm Thị Thu H vay tiền, giấy này do bà H tự viết và ký tên, thể hiện: "*Hôm nay ngày 23/11/2015 tôi tên: Lâm Thị Thu H ĐC: tổ dân phố 2 – PH – C – Gia Lai. CMND: 230740xxx có vay của cô Huỳnh Thị M Đ/c: Thôn TL – xã IK số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)*. Tại phiên tòa bà H thừa nhận, giấy này do bà viết và ký tên, mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay và lãi suất, tuy nhiên khi vay hai bên có thuận miệng thời hạn vay từ 07 đến 10 ngày, lãi suất trả theo ngày (cụ thể bà không nhớ). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Do đó HĐXX xác định việc vay mượn này là có thật, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà M và bà H được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc giao dịch, khi đến hạn trả nợ, bà M yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc đã cho vay, nhưng bà H không trả nên việc khởi kiện của bà M đối với bà H là hoàn toàn chính đáng.

Tại phiên tòa bà H thừa nhận mặc dù bà vay tiền dùm cho bố bà là ông Lâm Quang S, tuy nhiên giấy vay này do bà viết, bà nhận tiền nên bà có trách nhiệm trả nợ cho bà M, bà thừa nhận việc vay mượn tiền này có thỏa thuận bằng miệng về trả lãi suất theo ngày. Tại phiên tòa bà H cung cấp 01 giấy nhận tiền do bà M viết, thể hiện ngày 04/5/2018 bà đã trả cho bà M được 6.100.000đ và cho rằng đây là tiền gốc, bà chỉ còn nợ bà M 44.900.000đ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, bà chỉ có thể trả cho bà M mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Xét yêu cầu của bà H nêu ra không được bà M chấp nhận, bà M cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận sau 10 ngày bà H trả tiền gốc, còn tiền lãi thì trả bao nhiêu thì trả, nhưng đến hẹn bà H không trả nợ, do đó bà yêu cầu H trả lãi số tiền gốc mà H đã vay. Xét yêu cầu của bà M là có căn cứ, vì khi đến hẹn trả nợ bà H không trả tiền nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó HĐXX xác định số tiền 6.100.000đ là tiền lãi, bà M yêu cầu bà H phải trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ.

Về tiền lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 476, Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước thì mức lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng.

Tính từ ngày 23/10/2015 đến ngày 10/10/2017 là 1 năm 10 tháng 17 ngày, số nợ gốc bị đơn phải trả là 50.000.000đ, nên số tiền lãi phải trả là 50.000.000đ x 0,75%/30 ngày x 682 ngày = 8.525.000đ.

Vì bà H đã trả được 6.100.000đ tiền lãi, nên ngày 25/5/2018 và tại phiên tòa bà M có đơn và xin rút phần yêu cầu về lãi suất số tiền 10.000.000đ. Xét thấy, việc bà M rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về phần lãi suất số tiền 10.000.000 đồng. Bà M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 474; khoản 2 Điều 476; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Buộc bà Lâm Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền là: 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của bà Huỳnh Thị M, bà M không được quyền khởi kiện lại, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3. Về án phí: Buộc bà Lâm Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002594, ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

*Nơi nhận*:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h.Chư Păh;
-THADS h.Chư Păh;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Thị Hòa